

Số: 198/2023/QĐST-DS

Quận 1, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Phương

Thư ký phiên họp: Bà Bé Thị Phụng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 851/2022/DSST ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4643/2023/QĐST-VDS ngày 14 tháng 6 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trương S, sinh năm 1958, Căn cước công dân số: 079 058 002 413

Địa chỉ: 134/1/1 B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 – Là đại diện theo ủy quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1951; Hộ chiếu số PA4249162; Nơi cư trú: Úc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 – Là đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2022).

2. Ông Trương K, sinh năm 1954; Hộ chiếu số HC678118; Nơi cư trú: Canada

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 – Là đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2022).

3. Ông Trương T1, sinh năm 1955; Hộ chiếu số 468687952; Nơi cư trú: Hoa Kỳ

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 – Là đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2022).

4. Ông Trương D, sinh năm 1957; Giấy CMND số: 020406814; Địa chỉ thường trú: 134/1/1 đường B, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 – Là đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2022).

5. Bà Trương Thị Hồng C, sinh năm 1963; Hộ chiếu số HP989174; Nơi cư trú: Canada.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 – Là đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/7/2022).

Đối với: Ông Trương Văn T2, sinh năm 1957; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: 219 E đường H, Quận B, S cũ (nay là đường P, phường N, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, ông Trương S là người yêu cầu giải quyết việc dân sự có ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ ông Trương Văn T2 là ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H lúc sinh thời có những người con chung là: Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1951; ông Trương K, sinh năm 1954; ông Trương T2, sinh năm 1955; ông Trương Văn T2, sinh năm 1957; ông Trương D, sinh năm 1957; ông Trương S, sinh năm 1958; bà Trương Thị Hồng C, sinh năm 1963.

Ông Trương Văn B đã chết vào năm 2011, bà Nguyễn Thị H đã chết vào năm 1999. Ông Trương Văn T2 không có vợ, không có con ruột, không có con nuôi.

Ngày 12 tháng 02 năm 1985, ông Trương Văn T2 đã bỏ đi đâu không rõ và biệt tích cho đến nay không ai có thông tin gì về ông Trương Văn T2.

Nay để hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H làm thủ tục hợp thức hóa nhà tại đường B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên các anh chị em của ông Trương Văn T2 đều ủy quyền cho ông Trương S đứng tên làm thủ tục nộp đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố ông Trương Văn T2 là đã chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1951, ông Trương K, sinh năm 1954, ông Trương T2, sinh năm 1955, ông Trương D, sinh năm 1957, bà Trương Thị Hồng C, sinh năm 1963 do ông Nguyễn Văn T làm người đại diện theo ủy quyền đồng ý với yêu cầu của ông Trương S đề nghị Tòa án tuyên bố ông Trương Văn T2 là đã chết.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại nơi cư trú cuối cùng của ông Trương Văn T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị Tòa án áp dụng Điều 71 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; Điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu tuyên bố ông Trương Văn T2 là đã chết của ông Trương S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trương S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên bố anh ruột là ông Trương Văn T2, sinh năm 1957, Nơi cư trú

cuối cùng trước khi biệt tích: 219 E đường H, Quận B, S cũ (nay là đường P, phường N, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết. Căn cứ khoản 4 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; Điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu của ông Trương S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/12/2022, ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của ông T3 - người yêu cầu giải quyết việc dân sự và các ông bà: Trương Thị Hồng L, Trương K, Trương T2, Trương D, Trương Thị Hồng C - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 1 mở phiên họp giải quyết vụ việc vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự yêu cầu Tòa án tuyên bố anh ruột là ông Trương Văn T2 sinh năm 1957 là đã chết. Xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp (giấy khai sinh, giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú, thẻ căn cước) xác định ông Trương Văn T2, sinh năm 1957, trú tại B E đường H, Quận B, S cũ (nay là đường P, phường N, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh có cha là ông Trương Văn B, mẹ là bà Nguyễn Thị H, các anh chị em là Trương Thị Hồng L; Trương K; Trương T2; Trương D; T; Trương Thị Hồng C. Ông Trương Văn B, sinh năm 1927 đã chết vào ngày 26 tháng 9 năm 2011 theo bản Giấy chứng tử số 97, quyền số 01/2011 ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1932 đã chết vào ngày 20 tháng 9 năm 1999 theo bản Giấy chứng tử số Đăng ký 34174/1999 được T4 tại X-N, O-X-Li-A hợp pháp hóa lãnh sự ngày 31/5/2013.

Căn cứ Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 121005CN do Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/1982 thể hiện nội dung ngày 12/02/1985, ông Trương Văn T2 đã bị xóa đăng ký thường trú do đi không có lý do.

[2.2] Theo kết quả xác minh của Công an phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì tại địa chỉ B đường P, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không có nhân khẩu nào tên Trương Văn T2, sinh năm 1957 đăng ký cư trú cũng như thực tế sinh sống.

[2.3] Từ nhận định tại các mục [2.1], [2.2] đủ cơ sở xác định ông Trương Văn T2, sinh năm 1957 đã biệt tích từ ngày 12/02/1985 đến nay.

[2.4] Ông Trương S đã đăng tin tìm kiếm ông Trương Văn T2 trên Báo Thanh niên (các ngày 14, 15, 16/01/2023) và trên Đài tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh 03 kỳ liên tiếp (các ngày 06, 07, 08/02/2023). Ngoài ra Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh còn đăng tin tìm kiếm ông Trương Văn T2 trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và trên cổng thông tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh – Sở Thông tin và Truyền Thông Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 04 tháng thực hiện thông báo nhưng vẫn không có tin tức, thông tin nào liên quan đến ông Trương Văn T2 và ông Trương Văn T2 cũng không liên lạc với gia đình hoặc người thân. Do đó, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự 2015 thì có đủ cơ sở để xác định ông Trương Văn T2 đã biệt tích 05 năm liên trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống. Do đó yêu cầu của ông Trương S là có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Dân sự 2015 xác định ngày có tin tức cuối cùng của ông Trương Văn T2 là ngày 12/02/1985. Do đó, ngày chết của ông Trương Văn T2 được xác định là ngày 13/02/1990.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Trương S là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền lệ phí giải quyết yêu cầu về dân sự. Hoàn trả lại tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà ông Trương S đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 4 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; Điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Khoản 1 Điều 372; Điều 391; Điều 392; Điều 393 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71, Điều 72 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Luật thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trương S về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”.

Tuyên bố:

Ông Trương Văn T2, sinh năm 1957; có nơi cư trú cuối cùng tại B E đường H, Quận B, S cũ (nay là đường P, phường N, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết. Ngày chết là ngày 13/02/1990.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trương S là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền lệ phí giải quyết yêu cầu về dân sự. Hoàn trả lại tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà ông Trương S đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004934 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND Q.1;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS Q.1
- UBND P.B, Q.1;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Phương